

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG H2 VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG H2 VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: H2 VIET NAM COMMERCIAL AND COMMUNICATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: H2 MEDIA VIET NAM CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108517611

**3. Ngày thành lập:** 19/11/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 15, ngõ 250/39/73, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915538585

Fax:

Email: [h2mediavietnam@gmail.com](mailto:h2mediavietnam@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                                                                                   | 4659     |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                  | 4633     |
| 3.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                            | 4741     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa(trừ hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu) | 8299     |
| 5.  | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ                                            | 4789     |
| 6.  | Hoạt động hậu kỳ<br>(trừ hoạt động sản xuất phim)                                                                                                                                                                                                 | 5912     |
| 7.  | Hoạt động phát thanh<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                   | 6010     |
| 8.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                         | 7310     |
| 9.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                                                                          | 7320     |
| 10. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                          | 7722     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh thực phẩm chức năng<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột                                                                              | 4632        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                           | 4649        |
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                     | 4773        |
| 14. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                         | 4723        |
| 15. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772        |
| 16. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Phát hành phim, băng video, đĩa DVD-s                                                                                                                           | 5913        |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (Trừ thiết kế nội thất)                                                                                                                                                       | 7410        |
| 18. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ sản xuất phim)                                                                                                                                                                                                             | 7420        |
| 19. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                              | 8230        |
| 20. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                            | 8552        |
| 21. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4722        |
| 22. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ hoạt động sản xuất phim truyền hình)                                                                                                                                  | 5911(Chính) |
| 23. | Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác                                                                                                                                                                                            | 6022        |
| 24. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                     | 4652        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ VÂN HÀ        | 1/2 P219 B1 , Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | 5.000.000.000         | 50,000    | 012266743                                                                                                                                         |         |
| 2   | DIỆP NGUYỄN HÙNG | P507 Tập thể E3, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 5.000.000.000         | 50,000    | 012122871                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VŨ VÂN HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012266743

Ngày cấp: 25/04/2008

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1/2 P219 B1 , Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P507 Tập thể E3, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội